TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 10 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Kim Thạnh

2. Ông Trần Hùng Bích

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2019/TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu được vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Quốc T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/01/2013. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống gia đình và nuôi dạy con chung, dẫn đến vợ chồng xung đột, cãi vả trong thời gian dài. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/4/2014 hiện do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyện vọng của bà để con được sống với ông T, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân và thời gian vợ chồng sống hạnh phúc. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày thì ông không đồng ý vì hôn nhân của ông bà rất hạnh phúc, mâu thuẫn chủ yếu do bà H muốn đi Đài Loan để giúp việc nhà cho gia đình người chị ruột, nhưng ông không đồng ý vì ông có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ khả năng lo cho vợ con cuộc sống đầy đủ, mặt khác, ông không muốn con phải xa mẹ khi con chung chỉ mới 02 tuổi, nhưng bà H vẫn quyết tâm đi nên ông cũng phải chấp nhận. Thời gian đầu bà H có gởi về 02 lần được 200 USD để lo cho con chung, nhưng được thời gian ngắn thì ngưng luôn đến nay.

Do vợ chồng xa cách nên tình cảm cũng phai nhạt, cả hai không còn quan tâm nhau như trước, nhưng tình cảm ông dành cho vợ vẫn còn, nên đối với yêu cầu ly hôn của bà H thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu được đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/4/2014 hiện do ông chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì về con chung ông có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đúng như bà H trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát Tp. L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Tòa án thành phố L giải quyết là đúng thẩm quyền. Các văn bản tố tụng được tống đạt cho các đương sự đúng quy định tại Điều 175, 177, 179 BLTTDS. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 203 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Bà H và ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Trần Quốc T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Nguyễn Anh K cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Trần Quốc T, ông T cư ngụ tại khóm T, phường M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phiên tòa có mặt ông Trần Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2013, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân ly hôn theo bà H trình bày, sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống gia đình và nuôi dạy con chung, vợ chồng xung đột, cãi vả trong thời gian dài. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn.

Ông T thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân và thời gian vợ chồng sống hạnh phúc, về nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày thì ông không đồng ý mà cho rằng ông bà sống hạnh phúc, mâu thuẫn chủ yếu do bà H muốn đi Đài Loan để giúp việc nhà cho gia đình người chị ruột, nhưng ông không đồng ý vì thương vợ và có đủ khả năng lo cho vợ con cuộc sống đầy đủ. Mặt khác, ông không muốn con phải xa mẹ khi con chung còn quá nhỏ, nhưng bà H vẫn quyết tâm đi nên ông cũng phải chấp nhận. Do vợ chồng xa cách nên tình cảm cũng phai nhạt, cả hai không còn quan tâm nhau như trước, nhưng tình cảm ông dành cho vợ vẫn còn, nên đối với yêu cầu ly hôn của bà H thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu được đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau nuôi dạy con chung.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường M ngày 06/9/2019 thể hiện, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Quốc T là vợ chồng, từng cư ngụ sinh sống tại khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, hiện nay bà H không còn cư ngụ tại địa chỉ trên. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông T địa phương không rõ. Do bà H, ông T không trình báo địa phương, cũng không yêu cầu địa phương hòa giải.

Ông bà có một con chung tên Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/4/2014. Hiện nay cháu K đang chung sống với ông T. Địa phương nhận thấy ông T chăm sóc và nuôi dưỡng con tốt.

[4] Qua lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, bà H cho rằng mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, xảy ra trong thời gian dài, ông bà không có hôn nhân hạnh phúc, không thể tiếp tục sống cùng nhau nên bà vẫn kiên quyết ly hôn. Ông T thừa nhận từ khi bà H và ông sống xa nhau thì tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn quan tâm nhau về cuộc sống gia đình cũng như nuôi dạy chăm sóc con, bà H cũng không chia sẻ với ông về kinh tế gia đình. Dù vậy, ông vẫn không đồng ý ly hôn vì tình cảm ông dành cho vợ vẫn còn, ông có nguyện vọng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Xét thấy, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà H có đơn yêu cầu được vắng mặt, không có thiện chí hòa giải, hàn gắn với ông T. Tại phiên tòa ông T cũng xác định tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, nếu bà H có mặt tại phiên tòa ông cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn ông Trần Quốc T, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/4/2014, do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển tốt như nội dung Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường M thể hiện.

Xét thấy thời gian ông bà không sống chung, con chung do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, bà H cũng không tranh chấp quyền nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu K, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, nhưng không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, xét thấy, sự tự nguyện này của bà H phù hợp quy định của luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà H được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Bà H còn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn ông Trần Quốc T.

2. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/4/2014.

Ông T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi năm nghìn đồng), thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày 24/10/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Mức cấp dưỡng được thay đổi theo từng thời điểm.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà H được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003152, ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà H còn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nguyễn Thị Hoa